

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét văn bản góp ý số 5717/UBND-KT ngày 15/12/2010 và văn bản góp ý số 2918/UBND-KT ngày 03/8/2011 của UBND thành phố Cần Thơ;

Xét tờ trình số 184/TTr-VQHTLMN ngày 2 tháng 7 năm 2012 của Viện Quy hoạch thủy lợi miền Nam kèm theo hồ sơ dự án “Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ” do Viện Quy hoạch thủy lợi miền Nam lập;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ với các nội dung chính sau:

I. Phạm vi vùng quy hoạch

Thành phố Cần Thơ nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được giới hạn bởi sông Hậu về phía Đông Bắc, tỉnh Kiên Giang về phía Tây, tỉnh Hậu Giang về phía Nam và tỉnh An Giang về phía Tây Bắc với diện tích tự nhiên của thành phố là 140.100 ha.

II. Mục tiêu quy hoạch

- Đề xuất các giải pháp thủy lợi (công trình và phi công trình) nhằm giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, góp phần cải

tạo môi trường, cảnh quan, sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân thành phố.

- Làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình chống ngập úng cho thành phố đến năm 2020.

III. Phương án quy hoạch

1. Tiêu chuẩn tiêu thoát nước:

- Tiêu cho vùng đô thị: Thời đoạn mưa thiết kế 90 phút, lượng mưa thiết kế với tần suất 10%, tại trạm Cần Thơ (tương ứng 86 mm).

- Tiêu cho nông nghiệp: Mưa 3 ngày lớn nhất, tiêu 5 ngày, tần suất 10% tại trạm Cần Thơ.

- Tổ hợp thiết kế tính toán chọn: Triều biển Đông 10% (tương đương năm 2001); lũ thiết kế năm 2000.

- Tính toán ứng phó với nước biển dâng theo kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tiêu nước cho khu vực thành phố, khu đô thị và công nghiệp

2.1. Giải pháp công trình

Đầu tư xây dựng các công trình nhằm kiểm soát nước lũ, triều và tiêu úng bằng hệ thống đê bao, các công dưới đê, van ngăn triều đồng thời kết hợp với các trạm bơm để tiêu nước ra sông.

Toàn bộ khu đô thị được phân thành 18 ô bảo vệ (chủ yếu theo kênh cấp I) với diện tích biến đổi từ 600 ha đến 4.300 ha. Trong đó bao lớn vùng trung tâm thành phố Cần Thơ, bao gồm quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy và một phần của quận Ô Môn và huyện Phong Điền với diện tích khoảng 17.700 ha theo các sông rạch chính là sông Hậu, sông Cần Thơ, rạch Tắc Ông Thục và kênh Ô Môn. Tổng diện tích khu đô thị được bảo vệ khoảng 48.000 ha.

2.2. Giải pháp phi công trình

- Đảm bảo dung tích trữ cho vùng đô thị (gồm diện tích ao, hồ, kênh rạch) tối thiểu là 10% đối với khu phát triển đô thị thuộc Quận Ninh Kiều, Quận Bình Thủy (theo Quy hoạch sử dụng đất thành phố Cần Thơ) và 20% đối với khu vực đô thị đang phát triển thuộc các Quận, Huyện còn lại trên địa bàn Thành phố.

- Tạo bề mặt thấm, vùng đệm, vùng đất ngập nước nhằm trữ nước mưa, gia tăng lượng nước bổ sung cho tầng nước ngầm, giảm sự hình thành dòng chảy mặt, hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ do mưa lớn thời đoạn ngắn, giảm tải cho hệ thống thoát nước của Thành phố.

3. Tiêu nước cho đất trồng lúa

- Nạo vét hệ thống kênh, rạch, củng cố hệ thống đê bao, bờ bao, công bọng và thực hiện quy trình vận hành hợp lý nhằm đảm bảo tiêu tự chảy cho diện tích đất trồng lúa hai vụ.

- Diện tích sản xuất lúa ba vụ, ngoài cải thiện điều kiện tiêu thoát qua việc nạo vét các kênh, rạch, cần phải bố trí máy bơm phục vụ tiêu thoát khi cần thiết.

4. Tiêu nước cho vườn cây ăn trái

- Diện tích vườn cây ăn trái tập trung chủ yếu ở các huyện Phong Điền, Ô Môn, Thốt Nốt, ven sông Cần Thơ, sông Hậu, nơi có biên độ triều khá lớn (ngay cả trong mùa lũ). Vì vậy, giải pháp tiêu chủ yếu là tiêu tự chảy, có kết hợp bơm khi cần thiết.

- Các vườn cây ăn trái được bao ô theo hệ thống rạch tự nhiên, tại mỗi cửa lấy nước đều có cống đóng mở hai chiều. Mùa mưa lũ, các cống được đóng khi triều lên và mở ra khi triều xuống. Phần ngập lũ do mưa không có khả năng tự chảy sẽ được giải quyết bằng bơm.

5. Tiêu, thay nước cho nuôi trồng thủy sản:

- Theo quy mô công nghiệp: Hệ thống ao nuôi sẽ được bố trí theo kiểu liên hoàn: Ao xử lý sơ bộ, ao nuôi chính và ao chứa nước thải. Giải pháp tiêu chủ yếu là sử dụng các trạm bơm.

- Nuôi thủy sản trên ruộng: Giải pháp tiêu là tự chảy, kết hợp bơm. Hệ thống kênh lấy nước, kênh tiêu nước phải bố trí riêng biệt có các cống kiểm soát, điều tiết.

IV. Kinh phí và trình tự thực hiện quy hoạch

1. Giai đoạn đến năm 2015

1.1. Phần đô thị

Tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình vùng nội ô, trung tâm thành phố Cần Thơ với tổng diện tích là 17.700 ha, bao gồm các hạng mục sau:

- Xây dựng 24 cống tiêu thoát nước với tổng khẩu độ 259m, vốn đầu tư 428 tỷ đồng.

- Xây dựng 2 âu thuyền tại sông Trà Nóc, Bình Thủy với khẩu độ 10m một âu, vốn đầu tư 72 tỷ đồng.

- Nạo vét 109 km kênh trục, kênh cấp I, vốn đầu tư 360 tỷ đồng.

- Nâng cấp, bổ sung 133,5 km đê bao cấp I, vốn đầu tư 163 tỷ đồng.

- Xây dựng mới 6 trạm bơm tiêu, với 15 tổ máy (loại 10.800m³/h), vốn đầu tư 180 tỷ đồng.

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống kênh và bờ bao cấp II, vốn đầu tư 95,5 tỷ đồng.

- Nâng cấp, bổ sung kênh nội đồng, vốn đầu tư 45 tỷ đồng.

- Đền bù giải phóng mặt bằng (khoảng 96ha), vốn đầu tư: 810 tỷ đồng.

1.2. Phần ngoài đô thị

Đầu tư nạo vét 175km các kênh trục và kênh cấp I để tăng cường khả năng tiêu thoát, tổng vốn đầu tư 288,5 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư đến năm 2015 là: 2.442 tỷ đồng.

(Chi tiết xem phụ lục I)

2. Giai đoạn sau năm 2015

2.1. Phần đô thị

Đầu tư cho phần đô thị còn lại của thành phố Cần Thơ, bao gồm các hạng mục công trình sau:

- Xây dựng 152 công tiêu thoát nước với tổng khẩu độ 555m, vốn đầu tư 899 tỷ đồng.

- Nạo vét 129 km kênh trục, kênh cấp I, vốn đầu tư 215 tỷ đồng.

- Nâng cấp, bổ sung 156 km đê bao cấp I, vốn đầu tư 114 tỷ đồng.

- Xây dựng mới 29 trạm bơm tiêu, với 93 tổ máy (loại 10.800m³/h), vốn đầu tư 1.116 tỷ đồng.

- Nâng cấp, làm mới hệ thống kênh cấp II, vốn đầu tư 119 tỷ đồng;

- Nâng cấp, bổ sung kênh nội đồng, vốn đầu tư 85 tỷ đồng.

- Đền bù giải phóng mặt bằng (khoảng 243ha), vốn đầu tư: 1.213 tỷ đồng.

2.2. Phần ngoài đô thị

- Nạo vét 205 km kênh trục, kênh cấp I, vốn đầu tư 146 tỷ đồng.

- Nâng cấp, bổ sung 614 km đê bao cấp I, vốn đầu tư 510 tỷ đồng.

- Nâng cấp, làm mới hệ thống kênh cấp II, công tiêu, vốn đầu tư 208 tỷ đồng.

- Nâng cấp, bổ sung kênh nội đồng, bờ bao cấp II, cầu giao thông, vốn đầu tư 357 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư giai đoạn sau năm 2015 là: 4.982 tỷ đồng.

(Chi tiết xem phụ lục II)

3. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn

- Tổng kinh phí đầu tư thực hiện quy hoạch khoảng 7.424 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch trên phạm vi địa bàn Thành phố; chỉ đạo, tổ chức xử lý, giải toả các công trình xâm hại, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Pháp luật, lập phê duyệt quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tập trung nước về các trạm bơm tiêu, quyết định đầu tư và quản lý đầu tư và quản lý Dự án nạo vét trực chính các hệ thống kênh, rạch và các dự án tiêu nước trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở NN và PTNT thành phố Cần Thơ;
- Lưu VT, TCTL.

BỘ TRƯỞNG

